TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **05/**2018/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2017 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị Thùy L;** sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 42, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

* *Bị đơn:* Anh **Duy Văn S (tức Duy Anh S),** sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn S, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thùy L và anh Duy Văn S (tức Duy Anh S).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Duy Hà Bảo L, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Hà Thị Thùy L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Duy Văn S (tức Duy Anh S) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Hà Thị Thùy L và anh Duy Văn S (tức Duy Anh S) xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Chị Hà Thị Thùy L và anh Duy Văn S (tức Duy Anh S) không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Hà Thị Thùy L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^{o} 0005011 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị L số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Duy Văn S (tức Duy Anh S) phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Ngọc Hà

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Y, thành phố Y, tỉnh Y (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.